

DEVELOPMENT OF EDUCATION AND TRAINING IN ETHNIC MINORITY REGIONS IN THE CURRENT PERIOD AND ISSUES NEED CONCERN

Nguyen Hong Hai

Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: hainh@hvyt.edu.vn

Received: 12/10/2023; Reviewed: 24/10/2023; Revised: 28/10/2023; Accepted: 03/11/2023; Released: 20/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/247>

In recent years, the Party and State have always paid attention to investing in educational development in ethnic minority areas to gradually narrow the development gap between regions. Therefore, up to now education in ethnic minority areas has achieved extremely important achievements. In particular, the school system was invested in and built synchronously, so creating good learning conditions for children of ethnic minorities. School attendance rate at the right age; the quality of training is improving day by day. However, besides the achieved results, there are still certain difficulties and limitations, so solutions are needed to further improve the quality of education and training for ethnic minority areas today.

Keywords: Education and training; Ethnic minorities; Ethnic minority area; Issues need attention.

1. Đặt vấn đề

Phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số (DTTS) thời gian qua luôn được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước thông qua các chủ trương, chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển. Trong đó, hệ thống trường, lớp học được quan tâm đầu tư xây dựng đảm bảo đủ điều kiện để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Vì vậy, tỷ lệ học sinh đến trường tăng cao, học sinh bỏ học ngày càng giảm. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp hàng năm tăng rõ rệt. Hệ thống giáo dục chuyên biệt (trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học) ngày càng phát huy hiệu quả tích cực. Chính sách cử tuyển đã góp phần đáng kể trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ người DTTS. Các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người học là người DTTS được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Qua đó đã khuyến khích công tác dạy và học, tạo sự bình đẳng trong giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng DTTS.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, giáo dục và đào tạo vùng DTTS còn những khó khăn, hạn chế nhất định. Hệ thống trường lớp, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được tăng cường đầu tư, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là ở một số trường chuyên biệt vùng DTTS. Vì vậy, chất lượng giáo dục, đào tạo ở vùng DTTS nhìn chung còn thấp so với các vùng khác

của cả nước. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nhiều nơi còn bất cập, năng lực sư phạm, khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục của một bộ phận giáo viên còn hạn chế. Các chính sách cho người dạy, người học ở vùng DTTS, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn vẫn còn một số bất cập...

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về giáo dục ở vùng DTTS là một vấn đề được các học giả quan tâm nghiên cứu, tiêu biểu là một số nghiên cứu như:

“Thực hiện chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên - những kiến nghị hoàn thiện” (Đào Thị Tùng, 2018) đã đánh giá khái quát về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, đào tạo cho Tây Nguyên. Vì vậy, đã tạo tiền đề, động lực cho sự phát triển bền vững của khu vực này. Tuy nhiên, chính sách giáo dục đối với học sinh DTTS nói chung, học sinh DTTS ở Tây Nguyên nói riêng vẫn đang đối diện với nhiều thách thức. Theo đó, bài viết đã đưa ra một số kiến nghị nhằm phát triển giáo dục đối với Tây Nguyên như: Rà soát các chính sách phát triển giáo dục dân tộc; điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn; rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo; xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo; đổi mới chương trình giáo dục các cấp học và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo...

“*Hoàn thiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi*” (Đào Nguyên Phúc, 2021) cho rằng hệ thống chính sách giáo dục đã có tác động sâu sắc và rõ nét đối với thực trạng giáo dục cho đồng bào DTTS. Nhờ đó, sự nghiệp giáo dục và đào tạo vùng DTTS đã có những chuyển biến đáng kể, đảm bảo đủ điều kiện để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách giáo dục và đào tạo vùng DTTS ở một số địa phương có nơi còn hạn chế, thiếu quan tâm. Vì vậy, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần nghiên cứu để nâng cao hiệu quả ban hành và thực hiện chính sách giáo dục phù hợp với đặc điểm vùng DTTS.

“*Bảo đảm bình đẳng trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay*” (Trần Minh Đức, 2022) cho rằng giáo dục ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã có sự cải thiện rõ rệt trong việc tăng tỷ lệ đi học chung và đi học đúng tuổi, trong đó, bậc trung học phổ thông có sự cải thiện rõ ràng nhất. Mức độ tiếp cận với giáo dục phổ thông của học sinh các tỉnh miền núi phía Bắc đã được cải thiện, cơ hội đi học theo đúng độ tuổi quy định của trẻ em các tỉnh miền núi phía Bắc cũng từng bước được đảm bảo hơn so với các vùng khác trong cả nước. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục này đang tồn tại một số vấn đề bất cập. Theo đó, tác giả đã đưa ra 5 giải pháp để khắc phục những hạn chế, bất cập trên.

“*Nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ*” (Nguyễn Hoàng Hành & Nguyễn Thanh Sơn, 2022) cho biết thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các địa phương vùng Tây Nam Bộ đã triển khai thực hiện tốt nhiều chủ trương, chính sách về giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm ở vùng đồng bào DTTS như miễn giảm học phí; trao học bổng, tặng quà cho học sinh, sinh viên DTTS vượt khó, học giỏi; xét cử tuyển, dự bị đại học, nội trú; đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm ở vùng DTTS. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS ở vùng Tây Nam Bộ vẫn còn một số hạn chế. Theo đó, nghiên cứu đã khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS ở khu vực Tây Nam Bộ thời gian tới.

“*Giáo dục dân tộc thiểu số, miền núi ở Việt Nam qua hơn 35 năm đổi mới*” (Nguyễn Thị Luyện, 2022) đã đánh giá qua hơn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều quyết sách quan trọng để bảo đảm quyền bình đẳng trong học tập đối với đồng bào các DTTS. Tuy nhiên, bên cạnh

những chuyển biến tích cực, công tác giáo dục ở vùng DTTS, miền núi vẫn bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần sớm khắc phục để nâng cao chất lượng. Theo đó, tác giả đã nêu ra một số giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS như: Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện dạy, học đáp ứng quy mô giáo dục vùng DTTS; bổ sung, ban hành mới chính sách phát triển giáo dục, đào tạo vùng DTTS phù hợp với điều kiện, tình hình mới; phát triển đội ngũ giáo viên vừa hồng, vừa chuyên; đẩy mạnh liên kết, hợp tác, trao đổi giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước đối với các cơ sở giáo dục DTTS...

Có thể thấy, dù có nhiều bài viết, nghiên cứu về giáo dục vùng DTTS nhưng chưa có một nghiên cứu nào về phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng DTTS trong giai đoạn hiện nay và những vấn đề cần thực hiện. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này được xem là những đóng góp mới để có thêm góc nhìn về lĩnh vực phát triển giáo dục ở vùng DTTS hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục là cơ sở lý luận chủ yếu của bài viết. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp thu thập tài liệu từ các nguồn như: Các báo cáo về phát triển giáo dục của các bộ, ngành... Các tài liệu trên được tổng hợp, phân tích, đối chiếu nhằm gia tăng tính khoa học của bài viết.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đến nay, Đảng, Nhà nước luôn có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở vùng DTTS. Kế thừa chủ trương về giáo dục và đào tạo trong Văn kiện của các kỳ Đại hội Đảng VI, VII, XIII, IX, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (Ban Chấp hành Trung ương, 2003) chỉ rõ: “Nâng cao trình độ dân trí, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo... Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp; đẩy mạnh việc tổ chức các trường mẫu giáo công lập; tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển dành cho con em các dân tộc vào học tại các trường đại học và cao đẳng; mở thêm trường dự bị đại học dân tộc ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Nghiên cứu tổ chức hệ thống

trường chuyên đào tạo, bồi dưỡng trí thức và cán bộ là người DTTS”. Để đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, nêu rõ: “Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách...”.

Trong Kết luận số 65/KL-TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về Công tác dân tộc trong tình hình mới” khẳng định: “Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn. Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng cử tuyển, chế độ dự bị đại học, đào tạo nghề cho đối tượng người DTTS; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi”. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh “Quan tâm thích đáng đến phát triển giáo dục ở miền núi, vùng cao, hải đảo, vùng đồng bào DTTS... Có chính sách đầu tư đặc thù cho vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS”.

Quan triệt chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến giáo dục và đào tạo vùng DTTS như: Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Ưu tiên đào tạo giáo viên là người DTTS ở tất cả các cấp học phổ thông thuộc các huyện có đồng bào DTTS”; Quyết định số 159/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 về việc “Thực hiện Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học mầm non và phổ thông. Xây dựng ký túc xá cho học sinh, sinh viên và nhà công vụ cho giáo viên công tác tại địa bàn vùng dân tộc miền núi có nhiều khó khăn”; Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở”; Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về “Hỗ trợ tín dụng đối với học sinh, sinh viên”. Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02/8/2010 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú”; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày

18/7/2016 của Chính phủ “Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông xã, thôn đặc biệt khó khăn”; Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn”...

Với các chủ trương, chính sách nêu trên, có thể thấy Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng việc giáo dục và đào tạo ở vùng DTTS. Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu trong phát triển đất nước nói chung, ở vùng DTTS nói riêng nhằm thu hẹp về khoảng cách phát triển giữa các vùng trong sự phát triển chung của cả nước.

4.2. Thực trạng về phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

Nhờ triển khai tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước nên cơ sở vật chất, hệ thống trường từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông được quan tâm, xây dựng khang trang với trang thiết bị đạt tiêu chuẩn phục vụ học tập. Tính đến năm 2018, tổng số trường học của xã vùng DTTS là 17.722 trường, trong đó trường mầm non là 5.420 trường; tiểu học là 5.968 trường; THCS là 3.652 trường; THPT là 597 và trường ghép bậc tiểu học và THCS là 293 trường... Cho đến nay, các xã đều có trường học hoặc lớp tiểu học không còn tình trạng trắng về giáo dục, các lớp mẫu giáo cũng bước đầu được hình thành và phát triển ở các xã vùng cao. Loại hình trường nội trú, bán trú dân nuôi đang phát triển, tạo điều kiện cho các em học sinh dân tộc được đến trường. Tất cả các tỉnh đều có trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, trường dạy nghề và đào tạo nghiệp vụ trong các lĩnh vực nông nghiệp, quản lý kinh tế, tài chính, giáo dục, y tế... Cụ thể, 100% số xã có trường tiểu học, trung học cơ sở, trong đó 84,6% trường lớp học được xây dựng kiên cố, các lớp mẫu giáo cũng bước đầu được hình thành và phát triển ở các xã vùng cao; 100% xã đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, nhiều nơi đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; các trung tâm giáo dục thường xuyên được thành lập ở các tỉnh và huyện; trung tâm học tập cộng đồng được thành lập ở hầu hết các xã, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS có cơ hội tiếp cận với các kiến thức văn hoá, khoa học, kỹ thuật. Chính vì vậy, môi trường học tập ở trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú có nhiều khởi sắc, hoạt động giáo dục của nhà trường đã thu hút, giúp học sinh DTTS đi học chuyên cần và tiếp cận nhanh hơn với tiếng Việt.

Do chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tích cực, giảm dần tỷ lệ học sinh DTTS bỏ học; tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao

đang ngày càng tăng dần qua các năm. Năm 2018, có 1.497/8.259 sinh viên DTTS vào học cao đẳng, chiếm tỷ lệ 18,13% và 19.166/372.451 sinh viên DTTS vào học đại học, chiếm tỷ lệ 5,15%. Đến năm 2019, sinh viên DTTS vào cao đẳng, đại học lần lượt là 1.713/9.065 sinh viên, chiếm 18,9% và 20.588/398.297 sinh viên, chiếm 5,16%. Bên cạnh đó, kết quả học tập của sinh viên dự bị đại học, “đa số các sinh viên này học tập tốt, có thể đáp ứng các điều kiện của nhà trường như các thí sinh khác trúng tuyển vào trường. Sinh viên tốt nghiệp ra trường đa số có việc làm, nhiều em đã trở thành cán bộ giỏi tại các địa phương” (Vụ Giáo dục Dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019).

Cùng với đó, chính sách cử tuyển đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, người DTTS được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp liên tục tăng, đáp ứng được một phần nhu cầu nhân lực để phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi. Ngoài ra, việc thực hiện chính sách giáo dục đặc thù cho các DTTS rất ít người đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2022, đã có 104.219 lượt trẻ em, học sinh, sinh viên của 16 DTTS có dân số dưới 10.000 được thụ hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ. Những chính sách trên đã tạo tiền đề, là cơ sở quan trọng để nâng bước trẻ em vùng DTTS đến trường; gỡ bỏ phần nào gánh nặng về kinh tế cho các hộ dân, tạo cơ hội cho các em được đi học.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại những bất cập, hạn chế nhất định, đó là:

Dù được đầu tư xây dựng nhưng hệ thống trường lớp vẫn nhiều khó khăn, hạn chế. Theo thống kê của Bộ giáo dục và Đào tạo, hiện vẫn còn khoảng 20% số trường học đang trong tình trạng tạm bợ, bán kiên cố. Cụ thể, số liệu năm 2019, vẫn còn 16,3% địa bàn đồng bào DTTS khu vực biên giới chưa có phòng học kiên cố, đặc biệt là ở một số tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ như: Bắc Kạn là 26%; Tuyên Quang 25,8%; Điện Biên 24,6%; Đắk Lắk 20,9%; Hậu Giang 29,5%... Bên cạnh đó, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú chưa đảm bảo tính liên thông các cấp. Hiện nay, chỉ có 28/241 trường phổ thông dân tộc nội trú tuyển huyện có phổ thông cơ sở và phổ thông trung học do cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu.

Mục tiêu hoàn thành phổ cập giáo dục đối với vùng DTTS vẫn còn nhiều thách thức. Các chỉ tiêu như học đúng tuổi, hoàn thành bậc tiểu học ở vùng DTTS tại các vùng như miền núi phía Bắc,

Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long còn thấp hơn khá nhiều so với bình quân chung của cả nước. Tình trạng không biết chữ trong DTTS còn rất cao, còn khoảng 21% người DTTS trên 15 tuổi chưa đọc thông, viết thạo tiếng Việt; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học THCS mới đạt 84%; học THPT đạt 41,8%. Còn 30 DTTS tỷ lệ người tốt nghiệp đại học, cao đẳng dưới 1%, có 3 DTTS chưa có người đi học đại học (Ủy ban Dân tộc, Báo cáo đánh giá chính sách giai đoạn 2016-2018). Vì vậy, chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu nên tỷ lệ người DTTS đi học đúng độ tuổi còn thấp: Hiện nay còn khoảng 30% học sinh DTTS chưa được đi học đúng độ tuổi (tính cả tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông). Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học phổ thông của các nhóm DTTS như: Brâu, Xtiêng, Gia rai, Ma, Mnông, Lô Lô có tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bình quân ở mức dưới 60%, trong đó có chưa đến 10% học sinh của các nhóm DTTS trên đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học phổ thông.

Tỷ lệ người DTTS chưa biết đọc, biết viết tiếng Việt còn khá cao: Hiện nay còn 20,8% người DTTS (tương đương với 2.79 triệu người). Các nhóm DTTS gồm: Hà Nhì, Cơ Lao, Brâu, Mông, Mảng, Lự, La Hủ có trên 50% dân số không biết chữ. Tỷ lệ lao động người DTTS đã qua đào tạo thấp: Trung bình đạt 6,2%, mới bằng gần 1/3 so với tỷ lệ trung bình của lực lượng lao động cả nước. Một số nhóm DTTS có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở mức dưới 2%, thậm chí có những nhóm DTTS gần 100% lao động chưa qua đào tạo như: Xtiêng, Brâu, Mảng, Rơ-măm, Ba na, Phù Lá, Raglay, La Hủ và Khơ mú (Chính phủ, 2019).

Chính sách cử tuyển còn tồn tại nhiều bất cập, chỉ tiêu cử tuyển hàng năm ít nhưng các địa phương thực hiện không hết, thiếu sự cân đối ngành nghề đào tạo, cân đối giữa các dân tộc và các địa bàn, có thể thấy với đề nghị của các địa phương, các nhóm ngành đào tạo cử tuyển chủ yếu tập trung vào các ngành mà địa phương có nhu cầu, như: Sư phạm 26,3%; Y tế 24,8%; Kinh tế 17,3%; Kỹ thuật 15,5%; Nông Lâm 11,2% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005). Việc bố trí công việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp khó khăn: Tiếp nhận và xét tuyển vào vị trí việc làm: là đầu ra của chính sách cử tuyển, là vấn đề mà nhiều địa phương thực hiện cử tuyển chưa giải quyết tốt được. Những quy định về chế độ cử tuyển trong chính sách cử tuyển chưa rõ ràng, cụ thể, mâu thuẫn,... khó khăn cho thực hiện; quy định chưa phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới. Đồng thời, những chính sách hỗ trợ thực hiện chế độ cử tuyển thay đổi tác động đến việc thực hiện chế độ

cử tuyển như: chính sách tài chính, chính sách hỗ trợ học phẩm... Chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển có kết quả học tập đạt ở mức tương đối thấp so với mức trung bình của sinh viên cùng trường. Tỷ lệ học sinh cử tuyển đạt học lực xuất sắc chỉ chiếm khoảng 2%, loại giỏi 5,7%; loại khá 8,7%, trung bình 54%, yếu 17,2%; kém 2,3% (Hà & Nhu, 2018). Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên còn nhiều bất cập; chưa có chính sách hỗ trợ cho học sinh DTTS thi đỗ thẳng vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; chính sách khuyến khích giáo viên công tác lâu dài, ổn định tại vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn còn bất cập. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách giáo dục và đào tạo vùng DTTS và miền núi ở một số địa phương có nơi còn hạn chế, thiếu quan tâm; các lĩnh vực đầu tư phát triển trong công tác giáo dục và đào tạo chưa đồng đều; công tác kiểm tra, giám sát có lúc chưa kịp thời, chưa đáp ứng các yêu cầu đề ra; cơ chế phối hợp giữa các ngành chưa hiệu quả và đồng bộ.

5. Thảo luận

Giáo dục là yếu tố then chốt, quyết định thành bại sự phát triển của quốc gia, trong đó có vùng DTTS. Do vậy, để giải quyết các vấn đề giáo dục như ở trên đề cập thì cần thực hiện một số vấn đề sau đây:

Một là, tiến hành rà soát nhằm mục tiêu tránh sự chồng chéo trong chính sách, giúp cho quá trình thực hiện chính sách một cách đồng bộ, phân cấp, phân quyền trong thực hiện chính sách giáo dục vùng DTTS từ trung ương tới địa phương. Việc rà soát chú trọng tới các chính sách cho cả người dạy, người học và các cơ sở giáo dục vùng DTTS. Từ đó, các bộ ngành sẽ có những điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung, ban hành chính sách mới về phát triển giáo dục phù hợp với điều kiện, tình hình mới.

Hai là, cần đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa trường học và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cần được đẩy mạnh hơn nữa góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS và miền núi. Đặc biệt cần ưu tiên bố trí nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa trường lớp học ở vùng đặc biệt khó khăn. Đồng thời cần có sự huy động các nguồn lực tài chính và các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động dạy học, giáo dục trong nhà trường theo hướng lý thuyết gắn với thực hành và thực tiễn. Đầu tư xây dựng “trường ra trường, lớp ra lớp”, thực sự là trung tâm văn hóa, giáo dục của từng địa phương.

Ba là, đổi mới đối với thực hiện chính sách cử tuyển cần thực hiện đồng bộ từ việc đổi mới xây dựng kế hoạch, đổi mới công tác tuyển sinh; đổi

mới công tác đào tạo học sinh, sinh viên; đổi mới công tác tiếp nhận, xét tuyển vị trí việc làm cho phù hợp tình hình, bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Bốn là, cần bố trí nguồn vốn cho phát triển giáo dục một cách hợp lý và mang tính đột phá. Theo đó, các bộ ngành và địa phương cần chủ động và tích cực huy động cũng như sử dụng có hiệu quả cao các nguồn kinh phí trong nước và kinh phí hỗ trợ ở nước ngoài nhằm đáp ứng được các công việc cần tiến hành trong thời gian tới.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục. Công tác tuyên truyền đóng vai trò quan trọng trong vận động nhân dân, để nhân dân hiểu được tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo trong sự phát triển chung về KT-XH, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người dân. Công tác tuyên truyền vận động thực hiện đồng bộ từ cán bộ, đảng viên và nhân dân, ở tất cả các cấp, các ngành, nhất là vận động từ hệ thống chính trị cơ sở.

Sáu là, cần quan tâm xây dựng đội ngũ nhà giáo vùng DTTS đủ về số lượng, vững về chất lượng đáp ứng tốt trình độ, chuyên môn trong xu thế hội nhập như hiện nay. Để làm được điều này cần có cơ chế chính sách đẩy mạnh liên kết, hợp tác trao đổi giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước đối với các cơ sở giáo dục DTTS. Đồng thời cần có sự bổ sung, thay đổi và điều chỉnh các chính sách ưu đãi, như phụ cấp tăng thu nhập, tạo thuận lợi về điều kiện sống và làm việc cho giáo viên từ các địa phương trong cả nước nhận nhiệm vụ giảng dạy tại vùng DTTS và miền núi yên tâm công tác.

6. Kết luận

Có thể nói giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, là cơ sở quan trọng để thực hiện chính sách “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc”. Những năm qua, nhất là sau những năm đổi mới, Đảng, Nhà nước luôn hết sức quan tâm, ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách... Nhiều cơ chế, chính sách đã được ban hành và triển khai thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào các DTTS và bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục. Phát triển giáo dục đào tạo luôn là chìa khóa giúp cho đồng bào DTTS hòa nhập với dân tộc đa số trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2003). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc*. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2019). *Kết luận của Bộ Chính trị về Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về Công tác dân tộc trong tình hình mới*. Kết luận số 65/KL-TW, ngày 30/10/2019.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2005). *Báo cáo Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện chính sách cử tuyển (1990-2005)*.
- Chính phủ. (2019). *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng - Tập I*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đức, T. M. (2022). Bảo đảm bình đẳng trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay. *Tạp chí Lý luận và Truyền thông*, số 3/2022.
- Hà, H. Đ., & Nhu, T. K. (2018). Đổi mới chế độ cử tuyển đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tại chỗ người dân tộc thiểu số. *Tạp chí Giáo dục*, số 428(kỳ 2-4/2018), tr.7-11.
- Hành, N. H., & Sơn, N. T. (2022). Nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ. *Tạp chí Cộng sản*, số 5/2022.
- Luyện, N. T. (2022). Giáo dục dân tộc thiểu số, miền núi ở Việt Nam qua hơn 35 năm đổi mới. *Tạp chí Cộng sản*, số 6/2022.
- Phúc, Đ. N. (2021). Hoàn thiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. *Tạp chí Giáo dục*, số 5/2021.
- Tùng, Đ. T. (2018). Thực hiện chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên - những kiến nghị hoàn thiện. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 6/2018.
- Vụ Giáo dục Dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). Thực hiện chính sách xã hội thúc đẩy phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Trang thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 9/10/2019.
- Vụ Giáo dục Dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2013). *Báo cáo Hội nghị tổng kết 6 năm thực hiện chính sách cử tuyển (2006-2013)*.
- Vụ Giáo dục Dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Báo cáo công tác cử tuyển 2010-2017*.

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

Nguyễn Hồng Hải

Học viện Dân tộc

Email: hainh@hvd.edu.vn

Nhận bài: 12/10/2023; Phản biện: 24/10/2023; Tác giả sửa: 28/10/2023; Duyệt đăng: 03/11/2023; Phát hành: 20/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/247>

Những năm qua Đảng, Nhà nước luôn quan tâm đầu tư cho phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số nhằm từng bước thu hẹp khoảng cách về sự phát triển giữa các vùng, miền. Vì vậy, đến nay giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong đó, hệ thống trường lớp được đầu tư xây dựng đồng bộ nên đã tạo điều kiện tốt cho việc học tập của con em đồng bào các dân tộc. Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi; chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định nên cần có những giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, đào tạo đối với vùng dân tộc thiểu số hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục; đào tạo; Dân tộc thiểu số; Vùng dân tộc thiểu số; Vấn đề cần quan tâm.